

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 7 – 2024

*V/v: Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Liên
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hy H - Sinh năm: 1979 (Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Trú tại: Số nhà 98 Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh D – sinh năm: 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 62 Đường Q, thành phố B, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Hy H trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Anh D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi 03 con chung là Nguyễn Thị K – sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Anh H1 – sinh ngày 18/12/2002 và Nguyễn Thị N – sinh ngày 18/7/2010.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chúng tôi thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình cũng can thiệp hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Cho đến nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể duy trì nên tôi đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị K – sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Anh H1 – sinh ngày 18/12/2002 đã thành niên không ai bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không yêu cầu giải quyết. Tôi đề nghị được nuôi dưỡng trực tiếp cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 18/7/2010 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trình bày quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hy H. Bà Phạm Hy H được ly hôn với ông Nguyễn Anh D. Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị K – sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Anh H1 – sinh ngày 18/12/2002 đã thành niên không ai bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét giải quyết. Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị N – sinh ngày 18/7/2010 cho bà Phạm Hy H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Bà Phạm Hy H và ông Nguyễn

Anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B theo Giấy chứng nhận số 44/2003 ngày 18/6/2003 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định trong thời gian chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn mà cho đến nay không thể hòa giải và hàn gắn được. Qua xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn xảy ra giữa các bên. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Anh D đến tham gia tố tụng để đối chất cũng như hòa giải các mâu thuẫn phát sinh trong đời sống gia đình nhưng ông D đều vắng mặt, không có thiện chí trong việc tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hy H về việc đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Anh D là phù hợp.

Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị K – sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Anh H1 – sinh ngày 18/12/2002 đã thành niên không ai bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét giải quyết. Xét nguyện vọng của bà Phạm Hy H đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N – sinh ngày 18/7/2010, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giao con chung Nguyễn Thị N cho bà H nuôi dưỡng là đảm bảo về việc phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Hy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hy H. Bà Phạm Hy H được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

- Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị K – sinh ngày 02/6/1999, Nguyễn Anh H1 – sinh ngày 18/12/2002 đã thành niên, không xem xét giải quyết. Giao con chung Nguyễn Thị N – sinh ngày 18/7/2010 cho bà Phạm Hy H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Hy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0009852 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Hòa Phú, Tp.BMT.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải An